

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

LÊ THỊ THU HẰNG

**CÁC BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI  
TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM**

*Chuyên ngành : Luật dân sự*

*Mã số : 60 38 30*

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2012

**Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

*Người hướng dẫn khoa học: TS. Trần Anh Tuấn*

*Phản biện 1:*

*Phản biện 2:*

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2012.

## MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
Trang phụ bìa			
Lời cam đoan			
Mục lục			
<b>MỞ ĐẦU</b>	<b>1</b>		
<b>Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ</b>	<b>5</b>		
1.1. Khái niệm, ý nghĩa của biện pháp khẩn cấp tạm thời	5		
1.1.1. Khái niệm về biện pháp khẩn cấp tạm thời	5		
1.1.2. Ý nghĩa của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời	11		
1.2. Cơ sở khoa học của việc xây dựng các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự	12		
1.2.1. Bảo đảm quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự	12		
1.2.2. Bảo đảm tính hiệu quả của biện pháp được áp dụng	13		
1.2.3. Bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự	14		
1.3. Lược sử hình thành và phát triển chế định về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự Việt Nam	15		
1.3.1. Giai đoạn trước năm 1945	15		
1.3.2. Giai đoạn từ 1945 đến 1989	17		
1.3.3. Giai đoạn từ 1990 đến 2004	20		
1.3.4. Giai đoạn từ năm 2005 trở đi	25		
<b>Chương 2: CÁC QUY ĐỊNH VỀ BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI THEO PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>	<b>26</b>		
2.1. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời và điều kiện áp dụng	26		
2.1.1. Các biện pháp buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ	27		
2.1.1.1. Buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng	27		
2.1.1.2. Buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm	28		
2.1.1.3. Buộc người sử dụng lao động tạm ứng tiền lương, tiền công, tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh	29		
			nghề nghiệp cho người lao động
2.1.2. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời áp dụng đối với tài sản đang tranh chấp	30		
2.1.2.1. Kê biên tài sản đang tranh chấp	30		
2.1.2.2. Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp	32		
2.1.2.3. Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang có tranh chấp	33		
2.1.2.4. Cho thu hoạch hoặc cho bán hoa màu, sản phẩm, hàng hóa	34		
2.1.3. Các biện pháp phong tỏa tài khoản, tài sản	36		
2.1.3.1. Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ	36		
2.1.3.2. Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ	39		
2.1.4. Các biện pháp cấm hoặc buộc thực hiện những hành vi nhất định	40		
2.1.4.1. Giao người chưa thành niên cho cá nhân hoặc tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục	40		
2.1.4.2. Tạm đình chỉ thi hành quyết định sa thải người lao động	41		
2.1.4.3. Cấm hoặc buộc đương sự thực hiện một số hành vi nhất định khác	42		
2.1.5. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác	44		
2.2. Thủ tục áp dụng, thay đổi, bổ sung và hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời	47		
2.2.1. Thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời	47		
2.2.2. Thủ tục thay đổi, áp dụng bổ sung, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời	51		
2.3. Cơ chế bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự	53		
2.3.1. Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm	53		
2.3.2. Trách nhiệm do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng	57		
2.3.3. Khiếu nại, kiến nghị về quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời	58		
<b>Chương 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI VÀ KIẾN NGHỊ</b>	<b>62</b>		
3.1. Thực tiễn thực hiện các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời	62		
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về biện pháp	79		

khẩn cấp tạm thời

**KẾT LUẬN**

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

86

88

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời có một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ một cách có hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong tố tụng dân sự. Các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời đã luôn được các nhà lập pháp quan tâm và ghi nhận trong các văn bản pháp luật tố tụng dân sự của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Chẳng hạn, như trong Bộ luật dân sự và thương sự tố tụng năm 1921; các văn bản hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao, Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự 1989, Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế năm 1994 và Pháp lệnh thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động 1996.

Trên cơ sở kế thừa và phát triển các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong các văn bản pháp luật trước đây, chế định các biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được quy định khá chi tiết, cụ thể trong Bộ luật Tố tụng dân sự của Việt Nam 2004. Các quy định này tạo cơ sở pháp lý quan trọng trong việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể bị xâm hại khi tham gia vào các quan hệ dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh, thương mại và lao động. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về biện pháp khẩn cấp tạm thời cũng đã nảy sinh những khó khăn, vướng mắc nhất định.

Với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào việc hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về biện pháp khẩn cấp tạm thời, em đã mạnh dạn chọn đề tài "**Các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự Việt Nam**" làm luận văn thạc sĩ của mình.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Qua quá trình tìm hiểu và sưu tầm tài liệu cho thấy, đã có một số công trình nghiên cứu khoa học về vấn đề các biện pháp khẩn cấp tạm thời. Có thể kể tên những công trình được thực hiện đã trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến "Các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự" cụ thể là:

- Luận văn thạc sĩ Luật học: "*Biện pháp khẩn cấp tạm thời trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*", của Nguyễn Văn Pha, Trường Đại học Luật Hà Nội, 1997;

- ThS. Trần Anh Tuấn: "*Chế định biện pháp khẩn cấp tạm thời trong Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam*", Tạp chí Luật học, Đặc san góp ý dự thảo Bộ luật Tố tụng dân sự 2004 ;

- ThS. Trần Anh Tuấn: "*Các qui định về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong Bộ luật Tố tụng dân sự và thực tiễn áp dụng*", Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 12/2005;

- TS. Trần Anh Tuấn: "*Luật so sánh và thực tiễn xây dựng Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam*", Tạp chí luật học, chuyên đề sử dụng luật so sánh trong hoạt động lập pháp, số 4/2007 ;

- ThS. Trần Phương Thảo: "*Chế định biện pháp khẩn cấp tạm thời*", Đặc san về Bộ luật Tố tụng dân sự, 2005;

- ThS. Trần Phương Thảo: "*Bảo vệ quyền và lợi ích của người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*", Tạp chí luật học, số 1/2009...

Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu nói trên mới chỉ tập trung nghiên cứu những khía cạnh khác nhau về biện pháp khẩn cấp tạm thời. Em xin mạnh dạn lựa chọn đề tài: "**Các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự Việt Nam**". Đây là công trình đầu tiên tập trung nghiên cứu vấn đề một cách tổng thể và chi tiết cả về phương diện lý luận, luật thực định và thực tiễn thực hiện biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự. Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận, các quy định của pháp luật về biện pháp khẩn cấp tạm thời cũng như thực tiễn áp dụng các biện pháp này trong quá trình giải quyết các vụ việc dân sự tại các Tòa án, em mong muốn đưa ra những đề xuất nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về biện pháp khẩn cấp tạm thời.

### 3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Từ việc nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp; chế định các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong

các giai đoạn phát triển của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam; các quan điểm nghiên cứu luật học và thực trạng về việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự; tham khảo qui định ở một số nước trên thế giới để hiểu rõ và có hệ thống đối với chế định các biện pháp khẩn cấp tạm thời, từ đó đưa ra được một số kiến nghị nhằm hợp lý hóa và thống nhất về chế định này trong hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật tố tụng dân sự nói riêng.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đề tài tập trung nghiên cứu chế định biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự trên cơ sở lý luận, quan điểm luật học, phương hướng cải cách tư pháp, pháp luật thực định, thực tiễn áp dụng trong tố tụng dân sự ở Việt Nam và tham khảo pháp luật thực định ở một số nước trên thế giới.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về nhà nước pháp quyền.

Đồng thời việc nghiên cứu cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể: phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, đánh giá và tổng kết kinh nghiệm, suy diễn lôgic để thực hiện đề tài.

#### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

Đề tài được nghiên cứu sẽ góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về biện pháp khẩn cấp tạm thời mà còn nhằm tổng kết thực tiễn, nghiên cứu những vướng mắc, bất cập từ đó đề xuất những giải pháp có giá trị nhằm hoàn thiện chế định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự, nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn, bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

#### **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương:

*Chương 1:* Một số vấn đề lý luận về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự Việt Nam.

*Chương 2:* Các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời theo pháp luật hiện hành.

*Chương 3:* Thực tiễn thực hiện các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời và kiến nghị.

#### ***Chương 1***

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM**

#### **1.1. Khái niệm, ý nghĩa của biện pháp khẩn cấp tạm thời**

##### ***1.1.1. Khái niệm về biện pháp khẩn cấp tạm thời***

Biện pháp khẩn cấp tạm thời là biện pháp do Tòa án quyết định trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự hoặc được áp dụng độc lập với vụ việc đó nhằm đáp ứng nhu cầu cấp bách của đương sự, bảo toàn tình trạng tài sản, bảo vệ chứng cứ hoặc bảo đảm cho việc thi hành án dân sự.

##### ***1.1.2. Ý nghĩa của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.***

Kịp thời khắc phục những hậu quả, thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra; ngăn chặn những hành vi hủy hoại bằng chứng làm sai lệch nội dung vụ việc.

Kịp thời ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản và đảm bảo việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

Như vậy, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự không chỉ có ý nghĩa pháp lý mà còn có ý nghĩa xã hội sâu sắc. Trong điều kiện hội nhập kinh tế hiện nay, biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày càng trở thành công cụ pháp lý vững chắc để các

đương sự bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình khi tham gia vào các quan hệ dân sự, thương mại và lao động.

## **1.2. Cơ sở khoa học của việc xây dựng các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự Việt Nam**

### **1.2.1. Bảo đảm quyền tự định đoạt của đương sự**

Quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự là một trong những nguyên tắc cơ bản được ghi nhận tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2005. Nguyên tắc này thể hiện sự tôn trọng ý chí, nguyện vọng của các đương sự trong tố tụng dân sự.

Tôn trọng nguyên tắc này, khi xây dựng các qui định về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự, các nhà làm luật cũng đề cao sự tự quyết định và định đoạt của đương sự bằng việc qui định cho họ có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và Tòa án sẽ áp dụng khi có yêu cầu hợp pháp của đương sự. Khi yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của đương sự là hợp pháp thì Tòa án có trách nhiệm áp dụng đúng biện pháp, đúng phạm vi yêu cầu của đương sự

### **1.2.2. Bảo đảm tính hiệu quả của biện pháp được áp dụng**

Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, kịp thời ngăn chặn những hành vi gây thiệt hại, tẩu tán tài sản, hủy hoại chứng cứ và đảm bảo thi hành án. Do vậy, đòi hỏi khi xây dựng các qui định về biện pháp khẩn cấp tạm thời nhà làm luật phải tính đến hiệu quả của biện pháp khẩn cấp tạm thời được áp dụng từ đó xây dựng nên các quy định phù hợp với tính khẩn cấp của biện pháp.

### **1.2.3. Bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự**

Phải nói rằng, tất cả các qui định của pháp luật tố tụng dân sự đều nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Pháp luật qui định cho đương sự có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng để tránh sự lạm quyền từ chính người có yêu cầu, cũng như từ phía các cơ quan tiến hành tố tụng, và đặc biệt tránh thiệt hại cho người bị áp dụng thì phải giới hạn chặt chẽ các điều kiện áp dụng. Chi

khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện này thì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mới được thực thi.

## **1.3. Lược sử hình thành và phát triển chế định về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam**

### **1.3.1. Giai đoạn trước năm 1945**

Trước thời kỳ Pháp thuộc, do nền kinh tế phong kiến còn lạc hậu, kém phát triển nên pháp luật cũng chưa phát triển. Trong các văn bản pháp luật ban hành vẫn chưa có sự phân biệt các lĩnh vực rõ ràng, riêng biệt về hành chính, dân sự, hình sự và tố tụng.

Có thể thấy văn bản đáng chú ý trong thời kỳ này có quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời là "Bộ luật dân sự - thương sự - tố tụng" thi hành trong các tòa Nam án Bắc Kỳ được ban hành theo nghị định ngày 02/12/1921 và có hiệu lực thi hành ngày 1/1/1923 trong phạm vi Bắc Kỳ. Bộ luật này có một số nội dung đáng chú ý quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời.

### **1.3.2. Giai đoạn từ 1945 đến 1989**

Thời kỳ này, các văn bản quy định riêng về tố tụng dân sự rất ít mà chủ yếu là hướng dẫn các thủ tục về giải quyết các việc ly hôn, chính vì thế các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự hầu như không có. Mặc dù vậy, giai đoạn này có Công văn số 003/NCPL ngày 30 tháng 1 năm 1962 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về vấn đề thẩm quyền, trình tự giải quyết việc ly hôn, đáng chú ý là trong công văn này có quy định hiệu lực của quyết định công nhận thuận tình ly hôn, nguyên tắc và thủ tục hòa giải đối với các đương sự trong vụ án ly hôn, những biện pháp khẩn cấp tạm thời và hiệu lực của quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, quyền chống án đối với quyết định này, quyền lợi của người thứ ba.

Ở miền Nam, năm 1972 chính quyền Sài Gòn đã ban hành Bộ luật dân sự và thương sự tố tụng, trong đó có quy định khá cụ thể, chi tiết về biện pháp khẩn cấp tạm thời.

### **1.3.3. Giai đoạn từ 1990 đến 2004**

Văn bản quan trọng nhất phải kể đến trong giai đoạn này đó là *Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự* được thông qua ngày 29-11-1989 và có hiệu lực thi hành ngày 1-1-1990. Pháp lệnh này đã dành chọn chương VIII để quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời.

### **1.3.4. Giai đoạn từ năm 2005 trở đi**

Giai đoạn này được đánh dấu bởi sự ra đời của Bộ luật tố tụng dân sự 2004 - Bộ luật tố tụng dân sự đầu tiên của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bộ luật này được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 15/6/2004 và có hiệu lực ngày 1/1/2005.

Với 27 điều trong Bộ luật này, chế định biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được quy định khá đầy đủ và chi tiết, là sự kế thừa, bổ sung và phát triển của tất cả các quy định trước đó.

## **Chương 2**

### **CÁC QUY ĐỊNH VỀ BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI THEO PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

#### **2.1. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời và điều kiện áp dụng**

##### **2.1.1. Các qui định về buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng**

###### **2.1.1.1. Buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng**

Buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng là việc người bị yêu cầu cấp dưỡng phải ứng trước một khoản tiền nhất định để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, để bảo đảm cho người được cấp dưỡng tạm thời giải quyết được những khó khăn trước mắt của họ.

Theo quy định tại Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự thì biện pháp buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng được Tòa án áp dụng nếu việc giải quyết vụ án có liên quan đến yêu cầu cấp dưỡng và xét thấy yêu cầu đó là có căn cứ và nếu không thực hiện trước ngay một phần nghĩa vụ cấp dưỡng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống của người được cấp dưỡng.

###### **2.1.1.2. Buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng do tính mạng, sức khỏe bị xâm hại**

Buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm là việc người gây thiệt hại phải ứng trước một khoản tiền nhất định để bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại.

Theo quy định tại Điều 105 Bộ luật tố tụng dân sự thì biện pháp khẩn cấp tạm thời buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm được Tòa án áp dụng trong việc giải quyết vụ án có liên quan đến yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do tính mạng sức khỏe bị xâm phạm và *xét thấy yêu cầu đó là có căn cứ và cần thiết*.

###### **2.1.1.3. Buộc người sử dụng lao động tạm ứng tiền lương, tiền công, tiền bồi dưỡng, trợ cấp lao động hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động**

Theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự thì biện pháp khẩn cấp tạm thời này được Tòa án áp dụng trong việc giải quyết các vụ án về lao động có liên quan đến yêu cầu trả tiền lương, tiền công, tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp và xét thấy yêu cầu đó là có căn cứ và cần thiết.

###### **2.1.2. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời áp dụng đối với tài sản đang tranh chấp**

###### **2.1.2.1. Kê biên tài sản đang tranh chấp**

Theo quy định tại Điều 108 Bộ luật tố tụng dân sự thì biện pháp kê biên tài sản đang tranh chấp được Tòa án áp dụng nếu trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ cho thấy người giữ tài sản đang tranh chấp có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản. Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khi có đơn yêu cầu của những người có quyền yêu cầu.

Khi áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời kê biên tài sản đang tranh chấp Tòa án cần có sự kết hợp giữa các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định trong Luật Trọng tài thương mại, Luật sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự hiện nay về biện pháp này còn chưa thực sự cụ thể. Nên chăng, pháp luật cần có hướng dẫn cụ thể hơn theo hướng mở rộng hơn đối với trường hợp cần

ngăn chặn trước người giữ tài sản đang tranh chấp có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản. Ngoài ra, trong quyết định kê biên cần chỉ rõ nghĩa vụ của bên đương sự hoặc người thứ ba được giao quản lý tài sản trong việc không được chuyển dịch tài sản này cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.

#### *2.1.2.2. Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp*

Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp được hiểu là việc không cho thay đổi quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp. Theo Điều 109 Bộ luật tố tụng dân sự thì biện pháp này được áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự nếu có căn cứ cho thấy người đang chiếm hữu hoặc giữ tài sản đang tranh chấp có hành vi chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang có tranh chấp cho người khác. Việc chuyển dịch quyền về tài sản này sẽ làm phức tạp thêm quá trình giải quyết vụ tranh chấp, gây khó khăn cho việc thi hành án sau này. Do vậy, việc cấm chuyển dịch quyền về tài sản đang tranh chấp là cần thiết nhằm đảm bảo cho việc xét xử và thi hành án.

#### *2.1.2.3. Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang có tranh chấp*

Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang có tranh chấp là việc không cho phép thay đổi hiện trạng tài sản đang là đối tượng của một vụ án về tranh chấp tài sản.

Theo quy định tại Điều 110 Bộ luật tố tụng dân sự thì biện pháp này được áp dụng "*nếu trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ cho thấy người đang chiếm hữu hoặc giữ tài sản đang tranh chấp có hành vi tháo dỡ, lắp ghép, xây dựng thêm hoặc có hành vi khác làm thay đổi hiện trạng tài sản đó*".

Theo pháp luật hiện hành thì đương sự chỉ có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp khi người đang chiếm hữu, giữ tài sản có các hành vi làm thay đổi hiện trạng tài sản đang có tranh chấp. Tuy vậy, dưới góc độ nghiên cứu chúng tôi cho rằng sẽ hợp lý hơn nếu pháp luật cho phép áp dụng biện pháp này ngay cả trong trường hợp cần ngăn chặn người đang chiếm hữu, giữ tài sản có các hành vi làm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp

#### *2.1.2.4. Cho thu hoạch hoặc cho bán hoa màu, sản phẩm, hàng hóa*

Cho thu hoạch hoặc cho bán hoa màu, sản phẩm hoặc hàng hóa là việc cho thu, bán những sản phẩm về nông nghiệp hoặc những sản phẩm, hàng hóa khác.

Biện pháp này được áp dụng đối với việc giải quyết các vụ án tranh chấp về tài sản trong đó có hoa màu, sản phẩm hàng hóa khác đang ở thời kỳ thu hoạch hoặc không thể bảo quản được lâu dài và nếu không áp dụng các biện pháp cần thiết thì tài sản đó sẽ kém phẩm chất, hư hỏng, bị giảm giá trị hoặc mất hoàn toàn giá trị sử dụng.

#### **2.1.3. Các biện pháp phong tỏa tài khoản, tài sản**

##### *2.1.3.1. Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ*

Đây là biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể được áp dụng trong các vụ án kinh doanh, thương mại, tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, về lao động và chỉ áp dụng đối với người có nghĩa vụ có tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước hoặc có tài sản đang gửi giữ và việc áp dụng biện pháp này là cần thiết để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và thi hành án sau này.

Theo quy định tại Điều 112 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước khi đương sự có yêu cầu và trong quá trình giải quyết vụ án theo có căn cứ cho thấy người có nghĩa vụ có tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước và cần thiết phải áp dụng biện pháp này để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án hoặc bảo đảm cho việc thi hành án.

##### *2.1.3.2. Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*

Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là việc cô lập không cho chuyển dịch tài sản của người có nghĩa vụ đang do họ giữ.

Theo quy định tại Điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự, biện pháp khẩn cấp tạm thời này được áp dụng nếu trong quá trình giải quyết vụ án có



căn cứ cho thấy người có nghĩa vụ có tài sản và việc áp dụng là cần thiết để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án, đảm bảo thi hành án. Tòa án chỉ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này sau khi người yêu cầu thực hiện biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật.

#### **2.1.4. Các biện pháp cấm hoặc buộc thực hiện những hành vi nhất định**

*2.1.4.1. Giao người chưa thành niên cho cá nhân hoặc tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục*

Giao người chưa thành niên cho cá nhân, tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là biện pháp khẩn cấp tạm thời được áp dụng nhằm giao người chưa thành niên cho cá nhân hoặc tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong trường hợp cha, mẹ của họ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Theo quy định tại Điều 103 Bộ luật tố tụng dân sự, biện pháp khẩn cấp tạm thời này được áp dụng trong việc giải quyết vụ án liên quan đến người chưa thành niên chưa có người giám hộ. Như vậy, điều kiện áp dụng biện pháp này là người chưa thành niên đó phải chưa có người giám hộ và việc áp dụng biện pháp này là cấp bách nhằm đảm bảo việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người chưa thành niên đó. Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này có thể xuất phát từ yêu cầu của bên khởi kiện hoặc do Tòa án tự mình áp dụng nếu xét thấy cần thiết phải áp dụng biện pháp này để bảo đảm quyền lợi của người chưa thành niên.

*2.1.4.2. Tạm đình chỉ thi hành quyết định sa thải người lao động*

Tạm đình chỉ thi hành quyết định sa thải người lao động là việc tạm ngừng việc thi hành quyết định sa thải người lao động của người sử dụng lao động.

Theo quy định tại Điều 107 Bộ luật tố tụng dân sự thì biện pháp khẩn cấp tạm thời này được Tòa án quyết định áp dụng trong điều kiện việc giải quyết vụ án lao động có liên quan đến việc sa thải người lao động và xét thấy quyết định sa thải người lao động đó là trái pháp luật hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người lao động. Khi Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tạm đình chỉ thi hành

quyết định sa thải người lao động thì người sử dụng lao động có nghĩa vụ phải bố trí cho người lao động trở lại làm việc cho đến khi có quyết định mới của Tòa án.

*2.1.4.3. Cấm hoặc buộc đương sự thực hiện một số hành vi nhất định khác*

Việc nghiên cứu cho thấy ngoài các biện pháp giao người chưa thành niên cho cá nhân, tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm đình chỉ thi hành quyết định sa thải người lao động thì các biện pháp cấm hoặc buộc thực hiện những hành vi nhất định còn bao hàm cả việc cấm hoặc buộc đương sự thực hiện những hành vi nhất định khác.

Theo Điều 115 Bộ luật tố tụng dân sự, biện pháp này được áp dụng nếu trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ cho thấy đương sự, cá nhân, tổ chức khác thực hiện hoặc không thực hiện một số hành vi nhất định làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hoặc xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác có liên quan trong vụ án đang được Tòa án giải quyết.

*2.1.5. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác*

Pháp luật đã dự liệu một số tình huống phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên đã liệt kê tại Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù vậy, có những tình huống, trường hợp chưa dự liệu trong Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng xuất phát từ thực tiễn, yêu cầu của tình hình chính trị, xã hội. Do đó, Nhà nước đã quy định thêm các biện pháp khác trong một số các văn bản pháp luật. Khi các biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định bổ sung trong các văn bản quy phạm pháp luật, Tòa án căn cứ vào quy định trong các căn bản quy phạm pháp luật đó và căn cứ vào khoản 13 Điều 102 Tòa án cũng có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

**2.2. Thủ tục áp dụng, thay đổi, bổ sung và hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời**

*2.2.1. Thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời*

Trong các văn bản tố tụng dân sự trước, thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định rất sơ sài và chung chung. Bộ luật tố

tụng dân sự 2004 đã có những quy định chi tiết, cụ thể về thủ tục này tại Điều 117 và Điều 341.

Có thể thấy, những biện pháp khẩn cấp tạm thời được Tòa án áp dụng có tác dụng đáp ứng nhu cầu cấp bách của đương sự, giúp họ nhanh chóng ổn định cuộc sống, bảo vệ được bằng chứng, bảo vệ được tài sản... Theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự hiện hành thì đương sự có quyền nộp đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vào bất kỳ thời điểm nào và Tòa án có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vào bất cứ thời điểm nào trong quá trình giải quyết vụ án. Trong trường hợp đặc biệt, theo qui định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng dân sự, do tình thế cấp thiết, cần bảo vệ ngay bằng chứng, ngăn chặn hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án áp dụng ngay biện pháp khẩn cấp tạm thời vào cùng thời điểm nộp đơn khởi kiện trước khi Tòa án thụ lý vụ án. Đây là qui định tiến bộ và là điểm mới của Bộ luật tố tụng dân sự 2004 so với qui định của các văn bản pháp luật trước đó. Đó là kết quả của quá trình hội nhập, tham khảo kinh nghiệm về thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nhiều quốc gia trên thế giới.

### ***2.2.2. Thủ tục thay đổi, áp dụng bổ sung, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời***

Biện pháp khẩn cấp tạm thời mang hai tính chất là tính khẩn cấp và tính tạm thời, do vậy khi điều kiện, hoàn cảnh thay đổi, biện pháp khẩn cấp tạm thời đang áp dụng là không phù hợp nữa thì Tòa án có thể ra quyết định thay đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đó theo yêu cầu của người có quyền yêu cầu.

Theo quy định Điều 121 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại mục 10 Nghị quyết số 02/2005/NQ-HĐTP ngày 27/4/2005 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thủ tục yêu cầu và xem xét quyết định việc bổ sung, thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện như thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tuy vậy, trong trường hợp người có đơn yêu cầu thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời mà không phải thực

hiện biện pháp bảo đảm hoặc phải thực hiện ít hơn biện pháp bảo đảm mà họ đã thực hiện, thì Tòa án xem xét và quyết định cho họ nhận lại toàn bộ hoặc một phần khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá mà họ đã nộp, trừ trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng gây thiệt hại cho người bị áp dụng và cho người thứ ba.

## **2.3. Cơ chế bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự**

### ***2.3.1. Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm***

Để đảm bảo lợi ích hợp pháp của người bị áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời và ngăn ngừa sự lạm dụng từ phía người có quyền yêu cầu, các nhà lập pháp đã xây dựng trong Bộ luật tố tụng dân sự những quy định về biện pháp bảo đảm buộc người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải gửi một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc các giấy tờ trị giá bằng tiền vào một tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng. Đây là một điểm tiến bộ của Bộ luật tố tụng dân sự so với các văn bản pháp luật trước đó.

Theo quy định tại Điều 120 Bộ luật tố tụng dân sự, người yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời tại khoản 6, 7, 8, 10 và 11 Điều 102 của Bộ luật tố tụng dân sự phải gửi một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá do Tòa án ấn định nhưng phải tương đương với nghĩa vụ tài sản mà người có nghĩa vụ phải thực hiện để bảo vệ quyền lợi của người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và ngăn ngừa sự lạm dụng quyền yêu cầu áp dụng từ phía người có quyền yêu cầu. Các trường hợp phải thực hiện biện pháp bảo đảm khi yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, bao gồm: kê biên tài sản đang tranh chấp; cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp; cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp; phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước; phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ; phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

### ***2.3.2. Trách nhiệm do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng***

Việc yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và việc Tòa án ra quyết định áp dụng là việc làm rất cần thiết để bảo vệ quyền và

lợi ích hợp pháp của đương sự, góp phần giải quyết đúng đắn vụ việc dân sự. Tuy nhiên, trên thực tế đã có không ít các vụ việc mà người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng đã gây nên những thiệt hại nghiêm trọng cho người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và người thứ ba. Do vậy, để đảm bảo cho việc yêu cầu và ra quyết định được đúng, hạn chế tối đa thiệt hại có thể xảy ra, Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định về trách nhiệm của người yêu cầu và trách nhiệm của Tòa án trong việc xem xét và ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng.

Quy định tại Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự chính là sự kế thừa và phát triển các quy định về trách nhiệm do áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế và Pháp lệnh thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động. Quy định này đã phần nào phản ánh được tính nghiêm minh, chặt chẽ của pháp luật đối với những quyết định không đúng của người yêu cầu cũng như của Tòa án khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

### ***2.3.3. Khiếu nại, kiến nghị về quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời***

Để giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự, ngăn chặn hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra, bảo đảm cho việc giải quyết đúng đắn vụ việc và bảo đảm việc thi hành án, Điều 123 Bộ luật tố tụng dân sự quy định quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời có hiệu lực thi hành ngay. Tuy vậy, theo Điều 124 Bộ luật tố tụng dân sự đương sự có quyền khiếu nại, viện kiểm sát có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án đang giải quyết vụ án về quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc việc thẩm phán không ra quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 118 Bộ luật tố tụng dân sự thì cơ quan, tổ chức khởi kiện vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích của người khác cũng có quyền kiến nghị với Tòa án về việc ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Thời hạn khiếu nại, kiến nghị là 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định

áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc trả lời của thẩm phán là không áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

## ***Chương 3***

### **THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **3.1. Thực tiễn thực hiện các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời**

Các qui định về thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được qui định cụ thể tại Chương VIII "Các biện pháp khẩn cấp tạm thời" và được hướng dẫn cụ thể tại Nghị quyết số 02/2005/NQ-HĐTP ngày 27/4/2005 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Các qui định này là cơ sở pháp lý quan trọng giúp cho đương sự cũng như cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng tốt trong thực tế. Tuy nhiên, qua thực tiễn giải quyết vụ việc dân sự cho thấy số vụ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là rất ít, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cũng còn nhiều vướng mắc.

#### ***- Tâm lý ngại áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời***

Hiện nay, có một hiện tượng nảy sinh từ thực tiễn áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời đó là một số thẩm phán có tâm lý ngại ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Đối với các biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án có quyền tự mình áp dụng thì rất hiếm khi Tòa án chủ động ra quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời này. Tâm lý ngại áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời còn thể hiện ở chỗ họ cố tình né tránh việc ra quyết định này bằng cách sử dụng hình thức công văn có nội dung của biện pháp khẩn cấp tạm thời được áp dụng để yêu cầu cơ quan liên quan tiến hành các biện pháp cấm chuyển dịch hoặc phong tỏa tài sản của đương sự có nghĩa vụ. Ngoài ra, thực tiễn cũng xuất hiện hiện tượng khi đương sự có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì thẩm phán giải quyết vụ việc tìm cách khuyên họ không nên yêu cầu hoặc rút đơn yêu cầu để tránh việc phải ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

*- Sự thiếu hiểu biết của đương sự về quyền yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời.*

Các quy định trong các Pháp lệnh tố tụng trước đây cũng như Bộ luật tố tụng dân sự hiện nay về biện pháp khẩn cấp tạm thời là một phương tiện bảo vệ rất hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Nhưng thực tế cho thấy quy định này chưa thực sự đi vào đời sống của nhân dân. Một bộ phận rất lớn trong nhân dân còn có hiểu biết rất hạn chế về các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời, do đó họ không biết rằng mình có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự. Vì vậy, khi có tranh chấp xảy ra họ đã không biết làm cách nào để bảo vệ quyền và lợi ích của mình khi quyền lợi đó có nguy cơ bị xâm phạm.

*- Về thời gian ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời còn nhiều bất cập*

Khoản 3 Điều 117 Bộ luật tố tụng dân sự qui định "Đối với trường hợp yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại khoản 2 Điều 99 của Bộ luật này thì sau khi nhận được đơn yêu cầu cùng với đơn khởi kiện và chứng cứ kèm theo, Chánh án Tòa án chỉ định ngay một Thẩm phán thụ lý giải quyết đơn yêu cầu. Trong thời hạn 48 giờ kể từ thời điểm nhận được đơn yêu cầu, Thẩm phán phải xem xét và ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; nếu không chấp nhận yêu cầu thì Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người yêu cầu biết".

*- Về việc áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự liên quan đến việc buộc thực hiện biện pháp bảo đảm*

Để đảm bảo lợi ích hợp pháp của người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và ngăn ngừa sự lạm dụng từ phía người có quyền yêu cầu, các nhà lập pháp đã xây dựng trong Bộ luật tố tụng dân sự những qui định về biện pháp bảo đảm buộc người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải gửi một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc các giấy tờ trị giá bằng tiền vào một tài khoản phong tỏa tại ngân hàng. Đây

là một điểm tiến bộ của Bộ luật tố tụng dân sự so với các văn bản pháp luật trước đó. Theo quy định tại Điều 120 Bộ luật tố tụng dân sự thì "Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại khoản 6, 7, 8, 10, 11 Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự phải gửi một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá do Tòa án ấn định nhưng phải tương đương với nghĩa vụ tài sản mà người có nghĩa vụ phải thực hiện". Thực tiễn thực hiện điều luật này cho thấy xuất hiện một vài vướng mắc.

Biện pháp khẩn cấp tạm thời đặt ra là để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nhưng chỉ vì cái "nghèo", không có tiền để thực hiện biện pháp bảo đảm mà họ không thể bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trong quá trình xây dựng các quy định về buộc thực hiện biện pháp bảo đảm cũng đã có ý kiến cho rằng cần phải nghiên cứu thêm về vấn đề này để các quy định về buộc thực hiện biện pháp bảo đảm không hạn chế người nghèo yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khi khởi kiện. Thiết nghĩ, các cơ quan chức năng cần sớm có những nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể để các quy định về buộc thực hiện biện pháp bảo đảm khi vận dụng trong thực tiễn có thể đảm bảo được sự công bằng và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

*- Về giá trị của các khoản tiền, kim khí quý, đá quý, giấy tờ có giá mà người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải nộp.*

Theo khoản 1 Điều 120 Bộ luật tố tụng dân sự thì người yêu cầu Tòa án áp dụng một trong các biện pháp khẩn cấp tạm thời như kê biên, cấm chuyển dịch, cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp; phong tỏa tài khoản, tài sản của người có nghĩa vụ sẽ phải gửi một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá "do Tòa án ấn định tương đương với nghĩa vụ tài sản mà người có nghĩa vụ phải thực hiện" để bảo vệ lợi ích của người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và ngăn ngừa sự lạm dụng quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời từ phía người có quyền yêu cầu. Vậy cần phải hiểu khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá "do Tòa án ấn định tương đương với nghĩa vụ tài sản mà người có nghĩa vụ phải thực hiện" là như thế nào?

- Về thời hạn thực hiện biện pháp bảo đảm.

Theo hướng dẫn tại Mục 9 Nghị quyết số 02/2005/NQ-HĐTP ngày 27/4/2005 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về thời gian thực hiện biện pháp bảo đảm tại phiên tòa thì: "*Nếu tại phiên tòa thì việc thực hiện biện pháp bảo đảm được bắt đầu từ thời điểm Hội đồng xét xử ra quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm, nhưng phải xuất trình chứng cứ đã thực hiện xong biện pháp bảo đảm trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để nghị án*". Có thể thấy đây là một qui định rất khó thực hiện. Bởi lẽ, ngay bản thân người đưa ra yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, tại thời điểm phiên tòa đang diễn ra không thể tự ý rời khỏi phiên tòa để đi đến ngân hàng thực hiện biện pháp bảo đảm, hay cũng không thể gọi điện thoại cho người thân ở nhà đi thực hiện biện pháp bảo đảm hộ cho mình và mang chứng cứ đến phòng xét xử. Nên chăng cần phải qui định một khoảng thời gian hợp lý hơn để đương sự thực hiện được quyền này.

- Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong thời gian tạm đình chỉ vụ việc dân sự

Bộ luật Tố tụng dân sự đã có những quy định cụ thể hơn về điều kiện áp dụng cho từng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tuy nhiên, điều kiện áp dụng của các biện pháp được quy định từ Điều 108 đến điều 115 Bộ luật tố tụng dân sự thì các biện pháp khẩn cấp tạm thời này đều có một điều kiện chung là "trong quá trình giải quyết vụ án..." Thời gian Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án có nằm trong quá trình giải quyết vụ án không? Bởi lẽ, tạm đình chỉ không phải là chấm dứt việc giải quyết vụ án và sau khi có quyết định tạm đình chỉ nếu thấy lý do của việc tạm đình chỉ không còn nữa thì Tòa án sẽ hủy quyết định tạm đình chỉ và tiếp tục giải quyết vụ án. Do đó, trong thời gian tạm đình chỉ thì mọi hoạt động tố tụng của Tòa án chỉ bị tạm ngừng.

- Sự nhầm lẫn trong việc xác định tài sản kê biên

Trong quá trình giải quyết vụ án khi áp dụng biện pháp kê biên tài sản tranh chấp, thực tế một số tòa đã bị nhầm lẫn giữa tài sản đang tranh chấp với tài sản khác. Do vậy, đã tiến hành kê biên sai dẫn đến tình trạng

đương sự kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm và cấp phúc thẩm lại hủy cả quyết định kê biên tài sản của tòa sơ thẩm.

- Việc thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng

Qui định về thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng là một trong những điểm mới của Bộ luật tố tụng dân sự 2004. Trước đây, do các văn bản luật tố tụng dân sự chưa qui định về việc thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời nên trong thực tiễn áp dụng đã có những trường hợp Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sai, không phù hợp, làm ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của bên đương sự bị áp dụng nhưng vẫn không thay đổi, hủy bỏ được biện pháp khẩn cấp tạm thời đó. Tuy nhiên, qui định này trên thực tế vẫn còn vướng mắc:

- Về trách nhiệm trong việc áp dụng không đúng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Trách nhiệm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng đã được quy định tại Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong thực tế có tình trạng Tòa án đã không ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong trường hợp cần thiết hoặc ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chậm gây thiệt hại cho các đương sự. Ngoài ra, theo quy định hiện nay thì nếu đương sự yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng nhưng Tòa án vẫn có thể áp dụng mặc dù biết đó là sai. Trong những trường hợp nêu trên nếu theo Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án lại không phải chịu một trách nhiệm gì cả. Điều này là không hợp lý, dẫn tới không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

- Thực tế, có tình trạng một số Tòa án đã quá lạm dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm hoặc buộc thực hiện một hành vi nhất định, dẫn đến việc ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này một cách tùy tiện, thiếu

Thực tế, có tình trạng một số Tòa án đã quá lạm dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm hoặc buộc thực hiện một hành vi nhất định, dẫn đến việc ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này một cách tùy tiện, thiếu sự cân nhắc gây sự bất bình trong nhân dân.

- *Tình trạng kém hiệu quả trong việc ra quyết định và thi hành quyết định khẩn cấp tạm thời.*

Về nguyên tắc, khi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được chuyển đến cơ quan thi hành án thì thủ trưởng cơ quan thi hành án sẽ ra quyết định thi hành. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp khi cơ quan thi hành án đến kiểm tra tài khoản của bị đơn thì tài khoản lại trống rỗng, do đương sự đã tẩu tán tài sản từ trước, hoặc giữa ngân hàng và đương sự đã có sự móc nối với nhau để rút số tiền trong tài khoản. Do vậy, pháp luật cần phải có quy định chặt chẽ hơn nữa về trách nhiệm của ngân hàng, tổ chức tín dụng trong việc thi hành quyết định khẩn cấp tạm thời của Tòa án.

### **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về biện pháp khẩn cấp tạm thời**

- *Sửa đổi quy định tại khoản 13 Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự về biện pháp khẩn cấp tạm thời khác mà pháp luật có quy định*

- *Sửa đổi, bổ sung quy định về biện pháp giao người chưa thành niên cho cá nhân, cơ quan, tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục*

- *Sửa đổi quy định liên quan đến tính khẩn cấp của các biện pháp khẩn cấp tạm thời*

- *Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm tại thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm*

- *Về quy định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm*

- *Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong việc dân sự và trong giai đoạn thi hành án*

- *Về trách nhiệm bồi thường của Tòa án trong trường hợp Tòa án áp dụng không đúng biện pháp khẩn cấp tạm thời.*

## **KẾT LUẬN**

Việc nghiên cứu đề tài, đã góp phần làm rõ vị trí và vai trò quan trọng của chế định biện pháp khẩn cấp tạm thời trong pháp luật tố tụng

dân sự Việt Nam nói chung, và trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự nói riêng. Các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Trên cơ sở nghiên cứu học viên đã cố gắng làm rõ bản chất của biện pháp khẩn cấp tạm thời và những tính chất cơ bản của biện pháp này cũng như những ý nghĩa thực tiễn của nó. Bằng việc nghiên cứu một cách hệ thống các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời từ trước khi có Bộ luật Tố tụng dân sự tới nay, luận văn đã làm rõ quá trình hình thành và phát triển của chế định biện pháp khẩn cấp tạm thời trong pháp luật tố tụng dân sự. Việc nghiên cứu chỉ ra rằng chế định này đã được các nhà lập pháp rất quan tâm và ngày càng được hoàn thiện hơn. Đặc biệt, Bộ luật Tố tụng dân sự ra đời đánh dấu sự thay đổi cả về chất và lượng trong các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Kết quả nghiên cứu của đề tài không những đã luận giải được rõ cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của chế định biện pháp khẩn cấp tạm thời mà còn cho thấy rằng các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời vẫn còn những điểm thiếu sót hoặc bất cập đòi hỏi phải có sự giải thích hoặc hướng dẫn một cách thấu đáo để tránh sự nhầm lẫn, khó khăn khi áp dụng hoặc áp dụng không thống nhất trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Trên cơ sở phân tích, so sánh các quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành và pháp luật tố tụng dân sự một số nước và dựa trên kết quả nghiên cứu, khảo sát thực tiễn áp dụng, luận văn đã đưa ra đề xuất nhằm hoàn thiện những quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự để các quy định ngày càng đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn giải quyết các tranh chấp hiện nay.

Chế định biện pháp khẩn cấp tạm thời cần phải tiếp tục được nghiên cứu để có những bổ sung, sửa đổi cho phù hợp hơn, đáp ứng đòi hỏi của tình hình thực tiễn hiện nay. Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần phải đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật tố tụng trong nhân dân để Bộ luật Tố tụng dân sự nói chung và chế định biện pháp khẩn cấp tạm thời nói riêng ngày càng đi vào đời sống của nhân dân, thực sự trở thành công cụ hữu hiệu của các đương sự trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.